

Bản án số: 05/2021/DS-ST  
Ngày: 24-02-2021  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Thor.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phương Minh Thành.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ngọc Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 244/2020/TLST-DS, ngày 08/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-DS, ngày 28/01/2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Bùi Tuấn K, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**- Bị đơn:** Ông Đỗ Trọng A, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 135, Khóm A, Phường P, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 8 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Tuấn K trình bày: Ngày 14/5/2020, ông có cho ông Đỗ Trọng A vay số tiền 19.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 ngày, lãi suất sẽ được trả vào cuối tháng, lãi suất do các bên thỏa thuận theo lãi suất do pháp luật quy định. Hết thời hạn vay ông A có nghĩa vụ trả vốn và lãi cho ông. Từ ngày vay cho đến khi ông nộp đơn khởi kiện ra Tòa án thành phố T ông A không trả vốn gốc và chưa lần nào trả lãi cho ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án thành phố T giải quyết buộc ông Đỗ Trọng A trả cho ông tổng số tiền 20.466.609 đồng. Trong đó: Vốn gốc là 19.000.000 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 14/5/2020 đến ngày 24/02/2021 là 1.466.609 đồng.

- Bị đơn ông Đỗ Trọng A vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Tuấn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Đỗ Trọng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ vay; xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay”; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Tuấn K về việc yêu cầu bị đơn ông Đỗ Trọng A trả cho ông tổng số tiền 20.466.609 đồng. Trong đó: Vốn vay là 19.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/5/2020 đến ngày 24/02/2021 là 1.466.609 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Chứng cứ ông K khởi kiện ông A là giấy biên nhận tiền ngày 14/5/2020. Theo giấy biên nhận tiền ngày 14/5/2020 thể hiện ông K cho ông A vay số tiền 19.000.000 đồng, có chữ ký, chữ viết của ông A. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp theo quy định để thông báo và triệu tập cho ông A nhưng ông A vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều đó cho thấy, ông A đã từ bỏ quyền được Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như phải chịu hậu quả pháp lý của việc không phản đối và không chứng minh. Từ đó, có đủ cơ sở xác định giữa ông K và ông A có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo đó, ông A có nghĩa vụ trả nợ khi ông K có yêu cầu theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về

nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”. Như vậy, việc ông K yêu cầu ông A trả số tiền vốn vay còn nợ 19.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Về tiền lãi: Hợp đồng vay tài sản giữa ông A và ông K là có thật và phù hợp với quy định của pháp luật nên ông A có nghĩa vụ trả lãi khi ông K có yêu cầu. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Lãi suất như sau:

*“1. Lãi suất do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác...*

*Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.*

*2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.”*

Do đó, việc ông K yêu cầu ông A trả lãi tính từ ngày 14/5/2020 đến ngày 24/02/2021 với số tiền 1.466.609 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tuấn K.

[4]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đỗ Trọng A phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 147; 227; 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Tuấn K về việc yêu cầu bị đơn ông Đỗ Trọng A trả nợ vay.

Buộc ông Đỗ Trọng A trả cho ông Bùi Tuấn K số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng (*Mười chín triệu*) và 1.466.609 đồng (*Một triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng*) tiền lãi. Tổng cộng vốn, lãi là 20.466.609 đồng (*Hai mươi triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Đỗ Trọng A chịu 1.023.330 đồng (*Một triệu không trăm hai mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho ông Bùi Tuấn K số tiền tạm ứng án phí 499.575 đồng đã nộp theo biên lai số 0001014 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TV;
- VKSND TPTV;
- Chi cục THADSTPTV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Minh Thor**